



**ĐỢI ÁN THIÊN NGÀ – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1  
LÔ 12/11, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM**

**Phê Duyệt  
Giám Đốc XNXL**

**PHAM THANH BINH  
" \_\_\_\_\_ " \_\_\_\_\_ 2025.**

**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHO MÁNG CÁP, THANG CÁP  
VÀ PHỤ KIỆN  
(BK-TNHA & RD PLATFORM)**

**TECHNICAL REQUIREMENT FOR CABLE TRAY &  
LADDER & ACCESSORIES  
(BK-TNHA & RD PLATFORM)**

**Số tài liệu: 9001-2201-QE-3101**





**DỰ ÁN THIÊN NGA – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1**  
**LÔ 12/11, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHO MÁNG CÁP, THANG CÁP VÀ PHỤ**  
**KIỆN (BK-TNHA & RD PLATFORM)**

---

**Phê duyệt (Agreed by):**

Phó Giám Đốc OCD – VSP

Lê Quốc Anh

**Kiểm tra (Checked by):**

Trưởng Phòng Thiết Kế

Trần Sỹ Thái

Chủ Nhiệm Dự Án

Đông Văn Như

Phó Chủ Nhiệm Dự Án

Borodin Evgeniy S

Phó Phòng Thiết Kế

Võ Việt Hải

Chủ Nhiệm Thiết Kế

Phạm Minh Quang

Kỹ Sư Phòng Kỹ Thuật

Trần Lê Quốc Bảo

Kỹ Sư Phòng Thiết Kế

Nguyễn Khắc Trường

Kỹ Sư Phòng Thiết Kế

Phạm Lê Bảo Hoàng

**Chuẩn bị (Prepared by):**

Kỹ Sư Phòng Thiết Kế

Nguyễn Tiến Anh

Kỹ Sư Phòng Thiết Kế

Nguyễn Thị Lan Phương

Kỹ Sư Phòng Kỹ Thuật

Lưu Sùng Bá







**DỰ ÁN THIÊN NGÀ – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1**  
**LÔ 12/11, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHO MÁNG CẤP, THANG CẤP VÀ PHỤ**  
**KIỆN (BK-TNHA & RD PLATFORM)**

---

**MỤC LỤC**

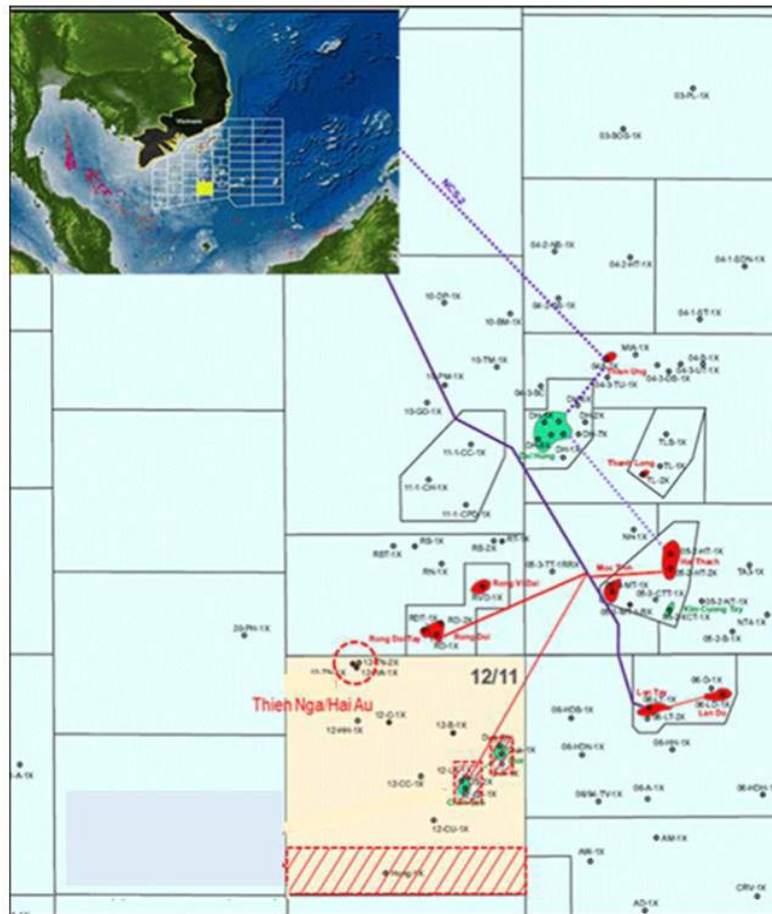
1. GIỚI THIỆU (INTRODUCTION) .....	5
2. ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT (DEFINITIONS AND ABBREVIATIONS).....	7
3. PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ CUNG CẤP (SCOPE OF WORK AND SUPPLY) .....	10
4. YÊU CẦU KỸ THUẬT (TECHNICAL REQUIREMENT).....	11
5. ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG VÀ THỜI GIAN GIAO HÀNG (DELIVERY PLACE AND DELIVERY LEAD TIME) .....	12
6. NGUỒN GỐC XUẤT XỨ/ COUNTRY OF ORIGIN .....	12
7. NHÀ SẢN XUẤT ĐƯỢC ĐỀ XUẤT/ RECOMMENDED VENDOR LIST .....	13
8. NĂM SẢN XUẤT/ YEAR OF MANUFACTURE.....	13
9. BẢO HÀNH/ WARRANTY .....	14
10. CHỨNG CHỈ/ CERTIFICATION .....	14
11. EXPERIENCE .....	15
12. YÊU CẦU TÀI LIỆU/ DOCUMENT REQUIREMENT .....	15
12.1 Tài Liệu Hồ Sơ Dự Thầu/ Technical Documents With Proposal .....	15
12.2 Tài Liệu Hồ Sơ Hoàn Thiện/ Vendor Data after LOI/LOA:.....	16
13. PHỤ LỤC (APPENDICES).....	17



## 1. GIỚI THIỆU (INTRODUCTION)

Lô 12/11 có diện tích 5.347,4 km<sup>2</sup> (không tính phần diện tích của Công ty Premier Oil và diện tích trả lại sau khi hoàn thành giai đoạn thăm dò thứ hai) và cách thành phố Vũng Tàu 320 km và các phần thuộc về phía Tây Nam của bể Nam Côn Sơn. Lô trải rộng từ vĩ độ 07°08' đến 07°45' Bắc và từ kinh độ 107°45' đến 108°30' Đông, tiếp giáp với các lô 11-2/09 và 11-2 ở phía bắc, lô 13/03 ở phía nam, lô 20 và 21 ở phía tây và lô 06/94 ở phía đông. Lô có địa hình bằng phẳng với độ sâu nước từ 70 - 120 m.

*The Block 12/11 covers 5347.4 km<sup>2</sup> (excluding the part of Premier Oil company area and returning area after completing the second phase of exploration phase) and is 320 km from the Vung Tau City, and belongs to the South West of the Nam Con Son Basin. The block is spread out from 07o08' to 07o45' north latitude and from 107o45' to 108o30' east longitude, which is adjoined with 11-2/09 and 11-2 blocks to the north, 13/03 block to the south, 20 and 21 blocks to the west and the 06/94 to the east. The block has a flat bathymetry with the water depth of 70 – 120 m*



Hình 1.1: Vị trí Thiên Nga – Hải Âu tại Lô 12/11, Bể Nam Côn Sơn



**DỰ ÁN THIÊN NGA – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1**  
**LÔ 12/11, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHO MÁNG CẤP, THANG CẤP VÀ PHỤ**  
**KIỆN (BK-TNHA & RD PLATFORM)**

Năm 2010, Vietsovpetro và JSC Zarubezhneft đã nhận được thư mời thầu của Petrovietnam cho PSC lô 12/11 sau khi thư mời này được trả lại bởi Công ty Dầu khí Premier.

*In 2010, Vietsovpetro and JSC Zarubezhneft got the Petrovietnam's bidding invitation for PSC of block 12/11 block after it had been returned by the Premier Oil Company.*

Năm 2011, Viện NIPI, Vietsovpetro đã tiến hành đánh giá kỹ thuật và kinh tế dự án 12/11 cho JSC Zarubezhneft. Sau kết quả đấu thầu, JSC Zarubezhneft đã nhận được 100% quyền lợi của PSC Lô 12/11 và Vietsovpetro được giao làm Nhà điều hành.

Vào tháng 6 năm 2023, Vietsovpetro đã ký chuyển giao quyền điều hành cho đơn vị quản lý Zarubezhneft EP Việt Nam.

Kế hoạch phát triển mỏ bao gồm một giàn khoan mới BK-TNHA, một đường ống ngầm và ống đứng mới giữa BK-TNHA và giàn khoan đầu giếng hiện có tại WHd (RD) Rong Doi (RD), CPP nâng cấp CPP Rong Doi để tiếp nhận và xử lý chất lỏng nâng cấp BK-TNHA và hệ thống viễn thông giữa BK-TNHA và Rong Doi CPP (DMR).

*In 2011, NIPI institute, Vietsovpetro have conducted the technical and economic evaluation of 12/11 project for JSC Zarubezhneft. Following the bidding result, JSC Zarubezhneft got the 100% interest of Block 12/11 PSC, and Vietsovpetro was the assigned to become the Operator.*

*In June 2023, Vietsovpetro had signed transferred of Operatorship to the custodian of Zarubezhneft EP Vietnam.*

*The field development plan consists of a new platform BK-TNHA, a new subsea pipeline and risers between BK-TNHA and existing wellhead platform at WHd (RD) Rong Doi (RD), CPP the upgrading of Rong Doi CPP to receive and process the BK-TNHA fluids upgrade, and a telecommunications system between BK-TNHA and Rong Doi CPP (DMR).*

### **1) BK-TNHA (Giếng Thiên Nga-Hải Âu)**

- Hoạt động của các cơ sở không người lái tự động, được giám sát và điều khiển từ CPP RD.
- Tổng cộng 9 giếng (4 giếng khai thác, 2 giếng khai thác trong tương lai và 3 giếng dự phòng).



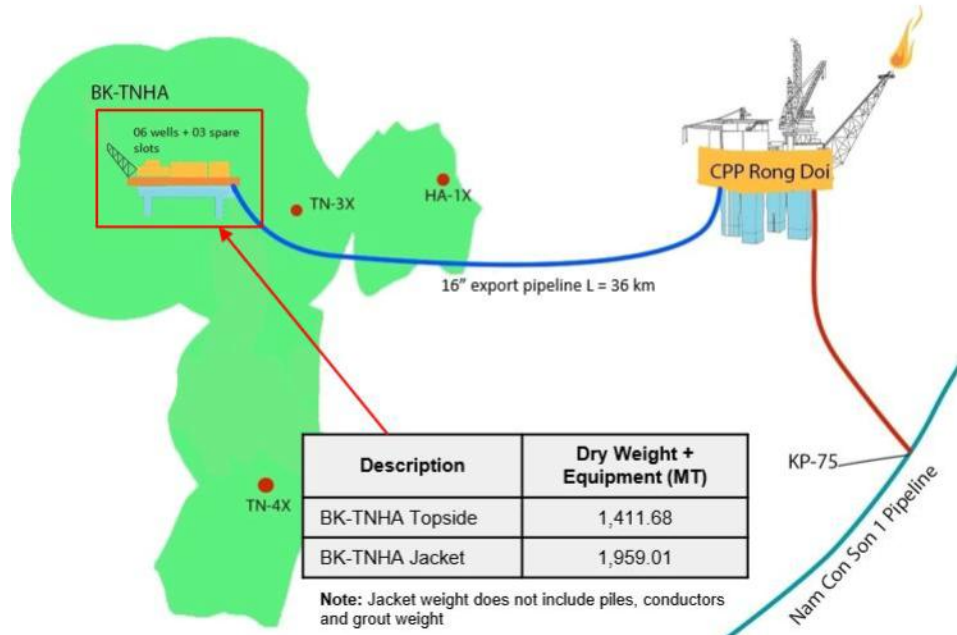
- Bao phủ các khu vực TN-3X và HA-1X.
- *Automated unmanned facilities operations, monitored and controlled from CPP RD.*
- *Total 9 wells (4 production wells, 2 future production wells & 3 spare slots).*
- *Covers TN-3X & HA-1X areas.*

### **2) Đường ống ngầm từ BK-TNHA đến WHd RD**

- Đường ống ngầm 16” FWS x 36km từ WHP BK-TNHA đến WHd RD.
- *16” FWS x 36km subsea pipeline from WHP BK-TNHA to WHd RD.*

### **3) Cải hoán Rong Doi (WHd RD/ CPP RD)**

- Nâng cấp/sửa đổi Brownfield trên nền tảng hiện có để phục vụ ngưng tụ và khí từ BK-TNHA với áp suất đầu vào yêu cầu là 23 barg.
- *Brownfield upgrade/modification on existing platform to cater the condensate and gas from BK-TNHA with required arrival pressure of 23 barg.*



Hình 1.2: Quy hoạch phát triển Thiên Nga Hải Âu giai đoạn 1

## **2. ĐỊNH NGHĨA VÀ VIẾT TẮT (DEFINITIONS AND ABBREVIATIONS)**

### **2.1 ĐỊNH NGHĨA (DEFINITIONS)**



**DỰ ÁN THIÊN NGA – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1**  
**LÔ 12/11, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHO MÁNG CẤP, THANG CẤP VÀ PHỤ**  
**KIỆN (BK-TNHA & RD PLATFORM)**

CÔNG TY / CHỦ ĐẦU TƯ (COMPANY/ CLIENT)	Zarubezhneft EP Vietnam B.V. (ZNEPV)
NHÀ THẦU/VSP (CONTRACTOR/VSP)	Liên doanh Việt Nga - Vietsovpetro
NHÀ THẦU PHỤ (SUBCONTRACTOR)	Bên thực hiện các dịch vụ để thực hiện phạm vi công việc và dịch vụ được chỉ định thay mặt cho NHÀ THẦU The party that provides services to perform the specified scope and services on behalf of CONTRACTOR.
NHÀ CUNG CẤP / NHÀ SẢN XUẤT (SUPPLIER/VENDOR)	Bên chịu trách nhiệm sản xuất và/hoặc cung cấp vật tư và thiết bị, thiết kế, lắp ráp, tài liệu kỹ thuật/bản vẽ và giao gói thiết bị hoàn chỉnh cùng các dịch vụ khác để thực hiện các nghĩa vụ do NHÀ THẦU chỉ định. The party that is responsible for the manufacturing and/or supply of materials and equipment, design, assembly, technical documents/drawings and delivery of the complete package and other services to perform the duties specified by the CONTRACTOR.
BÊN DỰ THẦU (BIDDER)	Bên tham gia hồ sơ mời thầu, có thể với tư cách độc lập hoặc liên danh, và sẽ ký hợp đồng với CHỦ ĐẦU TƯ / NHÀ THẦU. The party that participates in a set of bidding documents either as independent or Consortium and will sign contract with COMPANY/CONTRACTOR.
Phải (Shall)	Từ “phải” thể hiện yêu cầu bắt buộc. The words ‘shall’ indicate requirements.
Nên (Should)	Từ “nên” thể hiện khuyến nghị. The words ‘should’ indicate recommendations.
CÔNG VIỆC (WORK)	Bất kỳ phần công việc và dịch vụ nào mà NHÀ THẦU / NHÀ CUNG CẤP / NHÀ SẢN XUẤT phải thực hiện theo hợp đồng. Any part of the works and services required to be performed by CONTRACTOR / SUPPLIER / VENDOR under the contract.



**DỰ ÁN THIÊN NGÀ – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1**  
**LÔ 12/11, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHO MÁNG CÁP, THANG CÁP VÀ PHỤ**  
**KIỆN (BK-TNHA & RD PLATFORM)**

<b>BÊN ĐỘC LẬP THỨ BA (TPI)</b>	<p>Bên độc lập thứ ba được NHÀ SẢN XUẤT chỉ định và được NHÀ THẦU / CÔNG TY phê duyệt để chứng nhận thiết bị / gói thiết bị cụ thể được chế tạo tại xưởng của NHÀ SẢN XUẤT.</p> <p>An Independent 3rd Party appointed by VENDOR approved by the CONTRACTOR/COMPANY for certifying specific equipment/equipment packages fabricated at VENDOR's shop.</p>
---------------------------------	--

## 2.2 VIẾT TẮT (ABBREVIATIONS)

BK-TNHA	Giàn đầu giếng Thiên Nga – Hải Âu (Thien Nga – Hai Au Wellhead Platform)
CPP RD	Giàn xử lý trung tâm Rồng Đồi (Central Processing Platform – Rong Doi)
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
ITB	Invitation to Bid
XNXL	Xí nghiệp Xây Lắp khảo sát & sửa chữa các công trình khai thác dầu khí
ICA	International Compliance Association (Hiệp hội Tuân thủ Quốc tế)
IEC	International Electrotechnical Commission (Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế)
SI	International System of Units (Hệ thống Đơn vị Quốc tế)
VDRL	Vendor Document Requirement List (Danh sách yêu cầu tài liệu từ nhà cung cấp)
VR	Vietnam Register (Đăng kiểm Việt Nam)
TPI	Third-party Inspection (Giám định bên thứ ba)





**DỰ ÁN THIÊN NGÀ – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1**  
**LÔ 12/11, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHO MÁNG CÁP, THANG CÁP VÀ PHỤ**  
**KIỆN (BK-TNHA & RD PLATFORM)**

**3. PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ CUNG CẤP (SCOPE OF WORK AND SUPPLY)**

Yêu cầu kỹ thuật này bao gồm các yêu cầu tối thiểu đối với việc mua sắm, thử nghiệm, chế tạo, lắp ráp, kiểm tra và phân phối, bảo hành cho gói Máng cáp, thang cáp và phụ kiện trên BK-TNHA & RD PLATFORM thuộc DỰ ÁN THIÊN NGÀ – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1 LÔ 11/12, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM, sau đây gọi tắt là “HÀNG HÓA”./ *This technical requirement outlines the minimum requirements for procurement, testing, fabrication, assembly, inspection, delivery, and warranty for the Cable Tray & Ladder & Accessories Package on BK-TNHA & RD PLATFORMS under the THIEN NGA – HAI AU Project Phase 1, Block 11/12, Offshore Vietnam, hereinafter referred to as the “GOODS”.*

BÊN DỰ THẦU/NHÀ CUNG CẤP cung cấp HÀNG HÓA phải tuân thủ đầy đủ phạm vi cung cấp trong HSMT và các tài liệu, bản vẽ được cung cấp trong Phụ lục 1./ *The BIDDER/VENDOR supplying the GOODS must fully comply with the scope of supply defined in the Bidding Documents and the documents and drawings provided in Appendix 1.*

Phạm vi cung cấp của BÊN DỰ THẦU/NHÀ CUNG CẤP cho Gói Máng cáp, thang cáp và phụ kiện sẽ tuân thủ theo phạm vi cung cấp được nêu trong HSMT./ *The scope of supply for the Cable Tray & Ladder & Accessories Package by the BIDDER/VENDOR shall be in accordance with the scope specified in the Bidding Documents.*

BÊN DỰ THẦU/NHÀ CUNG CẤP có thể chào thầu cho từng nhóm hoặc cho tất cả các nhóm. Tuy nhiên, đối với mỗi nhóm chào thầu, BÊN DỰ THẦU/NHÀ CUNG CẤP phải chào đủ toàn bộ số lượng của tất cả các mặt hàng có trong nhóm. Tóm tắt về các nhóm được cung cấp dưới đây/ *Bidders may quote for individual Groups or for all Groups. However, for each Group quoted, Bidders must offer the full quantity of all items. A summary of the Groups is provided below:*

<b>Nhóm (Group)</b>	<b>Mô tả ( Description)</b>
<b>Nhóm 1 (Group 1)</b>	Máng Cáp và phụ kiện ( <i>Cable Tray and Accessories</i> )
<b>Nhóm 2 (Group 2)</b>	Thang Cáp và phụ kiện ( <i>Cable Ladder and Accessories</i> )

Nhà thầu phải xác nhận và cung cấp thang máng cáp đầy đủ các phụ kiện cần thiết, bao gồm bulông, đai ốc, long đen, dây tiếp địa... phục vụ cho việc lắp đặt / *Bidder shall confirm and provide cable trays / ladders c/w all necessary fittings, bolts, nuts, washers, earthing jumpers etc. for installation.*

Số lượng chi tiết về từng nhóm có thể được tìm thấy ở phụ lục 2 trong HSMT. (*Details of each group can be found in appendix 2 in ITB.*)

**Tuân thủ CÔNG VIỆC (Conformance of the WORK):**

- NHÀ CUNG CẤP phải tuân thủ tài liệu do NHÀ THẦU/CÔNG TY cung cấp và tất cả các yêu cầu khác của Hợp đồng. Mọi sửa đổi đối với tài liệu do NHÀ





**DỰ ÁN THIÊN NGA – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1**  
**LÔ 12/11, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHO MÁNG CẤP, THANG CẤP VÀ PHỤ**  
**KIỆN (BK-TNHA & RD PLATFORM)**

THẦU/CÔNG TY cung cấp hoặc dữ liệu kỹ thuật do nhà cung cấp phát hành đã được NHÀ THẦU/CÔNG TY phê duyệt sẽ không được NHÀ CUNG CẤP thực hiện nếu chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản./ *The VENDOR shall conform to the Contractor/Company Supplied Data and all other requirements of the Contract. No modifications to the Contractor/Company Supplied Data or vendor-issued engineering data that has been approved by the CONTRACTOR/COMPANY shall be implemented by the VENDOR without obtaining prior written approval.*

- Trong quá trình sản xuất của NHÀ CUNG CẤP, NHÀ THẦU/CÔNG TY có quyền tự do tiếp cận cơ sở của NHÀ CUNG CẤP để thực hiện kiểm tra và chứng kiến các hoạt động bất kỳ lúc nào. NHÀ CUNG CẤP phải nộp cho NHÀ THẦU/CÔNG TY một kế hoạch thực hiện, bao gồm: tài liệu kỹ thuật, quy trình, kế hoạch mua sắm, kế hoạch thử nghiệm, kế hoạch thử nghiệm, kế hoạch bảo quản và kế hoạch giao hàng./ *During the VENDOR's manufacturing process, the CONTRACTOR/COMPANY reserves the right to have free access to the VENDOR's facilities, inspection and witnessing activities at any time. The VENDOR have to submit to the CONTRACTOR/COMPANY an execution plan including technical documentation, procedures, procurement plan, testing plan, prequalify testing plan, preservation and delivery plan.*
- NHÀ THẦU/CÔNG TY có quyền từ chối bất kỳ HÀNG HÓA nào không đáp ứng các thông số kỹ thuật của dự án, bảng dữ liệu, bản vẽ thiết kế, báo cáo và Yêu cầu Kỹ thuật này. Mọi sự chậm trễ tiến độ và chi phí phát sinh do việc từ chối hoặc thay thế các hạng mục không phù hợp hoặc bị lỗi sẽ hoàn toàn do NHÀ CUNG CẤP chịu trách nhiệm./ *The CONTRACTOR/COMPANY reserves the right to reject any GOODS that do not comply with project specifications, data sheets, design drawings, reports and this Technical Requirement. Any schedule delays and cost impacts resulting from the rejection or replacement of non-compliant or defective items shall be fully under VENDOR's responsibility.*

#### **4. YÊU CẦU KỸ THUẬT (TECHNICAL REQUIREMENT)**

Bên dự thầu cung cấp hàng hóa phù hợp với yêu cầu kỹ thuật được nêu trong các tài liệu đính kèm trong “Phụ lục 1”/ *The Bidder/Vendor shall supply the goods in accordance with the technical requirements specified in the documents attached in “Appendix 1.”*

Tất cả bản vẽ và tài liệu kỹ thuật thiết kế chi tiết thuộc phạm vi của Bên dự thầu/Nhà cung cấp./ *All detailed design drawings and technical documents fall under the responsibility of the Bidder/Vendor.*

Trong trường hợp có bất kỳ xung đột nào giữa Yêu cầu kỹ thuật này, Yêu cầu vật tư, Thông số kỹ thuật, bản vẽ và các tài liệu khác, thứ tự ưu tiên của các tài liệu như sau/ *In the event of any conflict between this Technical Requirement, Material Requisition, Specifications, Drawings, and other related documents, the order of precedence shall be as follows:*





**DỰ ÁN THIÊN NGÀ – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1**  
**LÔ 12/11, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHO MÁNG CẤP, THANG CẤP VÀ PHỤ**  
**KIỆN (BK-TNHA & RD PLATFORM)**

- Luật pháp Bắt buộc, Tiêu chuẩn Và Quy định của Việt Nam./ *Mandatory Laws, Standards, and Regulations of Vietnam;*
- Yêu cầu kỹ thuật này/ *This Technical Requirement;*
- Yêu cầu mua hàng liên quan/ *Relevant Materials Requisition;*
- Thông số kỹ thuật liên quan/ *Relevant Technical Specifications;*
- Các tài liệu khác trong Phụ lục 1./ *Other documents in Appendix 1;*
- Tiêu chuẩn Quốc tế./ *International Standards.*

**5. ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG VÀ THỜI GIAN GIAO HÀNG (DELIVERY PLACE AND DELIVERY LEAD TIME)**

Tất cả HÀNG HÓA sẽ được giao tại kho Vietsovpetro, số 67, đường 30/4, phường Rạch Dừa, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam./ *All GOODS shall be delivered at Vietsovpetro warehouse, No.67, 30/4 Road, Rach Dua Ward, Ho Chi Minh City, S.R Viet Nam.*

Thời gian giao HÀNG HÓA, bao gồm thời gian xem xét dữ liệu nhà cung cấp, FAT, đóng gói/xử lý, vận chuyển, vận chuyển và giao hàng, v.v./ *Delivery time of GOODS: including the time for vendor data review, FAT, packing/ handling, shipping, transportation, and delivery, etc:*

- o Nhóm 1: chậm nhất là **100** ngày lịch kể từ ngày phát hành Thư trao thầu (LOA)
- o Nhóm 2: chậm nhất là **100** ngày lịch kể từ ngày phát hành Thư trao thầu (LOA)

**Lưu ý:** Bên dự thầu/Nhà cung cấp phải tuân thủ chính sách Sức khỏe, an toàn và môi trường (HSE) của Vietsovpetro khi giao hàng đến kho/cảng của Vietsovpetro và khi làm việc trên bờ/ngoài biển./ *The VENDOR has to follow the CONTRACTOR/COMPANY's HSE policies when delivering goods to Vietsovpetro warehouse and working at onshore/ offshore site.*

**6. NGUỒN GỐC XUẤT XỨ/ COUNTRY OF ORIGIN**

6.1 Không được sử dụng thiết bị/linh kiện chính và HÀNG HÓA sản xuất tại **ÁN ĐỘ, VIỆT NAM** hoặc **TRUNG QUỐC**. Thông tin xuất xứ như “trung tự”, “hoặc tương đương” là không được chấp nhận./ *Equipment / main components and GOODS made in INDIA, VIET NAM or CHINA shall not be used. Origin information such as “or equal”, “or equivalent” is not acceptable.*

6.2 Ngoại trừ những trường hợp được nêu cụ thể trong điều khoản 6.1 và các yêu cầu về quốc gia xuất xứ đối với các thành phần và thiết bị chính được liệt kê trong bảng dưới đây, không có giới hạn hoặc hạn chế nào khác về quốc gia xuất xứ của HÀNG HÓA./ *Except as specifically stated in clause 6.1 and the country of origin requirements for the main components and equipment listed in the table below, there are no other limitations or restrictions on country of origin of the GOODS.*



**DỰ ÁN THIÊN NGÀ – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1**  
**LÔ 12/11, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHO MÁNG CÁP, THANG CÁP VÀ PHỤ**  
**KIỆN (BK-TNHA & RD PLATFORM)**

Nhóm/Group	Mô tả/ Description	Nước xuất xứ/ Country of Origin
Nhóm 1/ Group 1	Máng Cáp và phụ kiện (Cable Tray and Accessories)	EU, G7, Nga, Úc, Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc, Singapore, Malaysia.
Nhóm 2/ Group 2	Thang Cáp và phụ kiện (Cable Ladder and Accessories)	EU, G7, Nga, Úc, Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc, Singapore, Malaysia.

**7. NHÀ SẢN XUẤT ĐƯỢC ĐỀ XUẤT/ RECOMMENDED VENDOR LIST**

Nhà thầu được khuyến nghị chào thầu các nhà sản xuất nằm trong danh sách dưới đây: Trong trường hợp nhà sản xuất không nằm trong Danh sách Nhà cung cấp, Nhà thầu cần cung cấp thông tin về năng lực của nhà sản xuất (năng lực sản xuất, kinh nghiệm, quy trình sản xuất, trang thiết bị, hệ thống chứng nhận, các hợp đồng tương tự, tài liệu chứng minh năng lực sản xuất,...) để phục vụ cho việc đánh giá./ *The Bidder is recommended to offer the manufacturer listed below. In case the manufacturer is not on the Vendor List, Bidder needs to provide information about the manufacturer's capacity (production capacity, experience, production process, facilities, certification system, similar contracts, documents proving production capacity...) for evaluation.*

Danh mục	Mô tả/ Description	Nhà sản xuất đề xuất mức 1 Recommended vendor list level 1	Nhà sản xuất đề xuất mức 2 Recommended vendor list level 2
1	Máng Cáp và phụ kiện (Cable Tray and Accessories)	Ogleand Ackron B-line (Eaton) GK Kensteel M*Rak (Tristar)	Enduro Composites Intralink Mita Ogleand Tristar
2	Thang Cáp và phụ kiện (Cable Ladder and Accessories)	Ogleand Ackron B-line (Eaton) GK Kensteel M*Rak (Tristar)	Enduro Composites Intralink Mita Ogleand Tristar

**8. NĂM SẢN XUẤT/ YEAR OF MANUFACTURE**



**DỰ ÁN THIÊN NGÀ – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1**  
**LÔ 12/11, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHO MÁNG CẤP, THANG CẤP VÀ PHỤ**  
**KIỆN (BK-TNHA & RD PLATFORM)**

Tất cả HÀNG HÓA phải là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng và được sản xuất vào năm 2025 trở đi./ *All GOODS shall be 100% brand new, unused, and manufactured in 2025 or later.*

**9. BẢO HÀNH/ WARRANTY**

BÊN DỰ THẦU/ NHÀ CUNG CẤP phải bảo đảm rằng tất cả HÀNG HÓA phải tuân thủ đầy đủ các thông số kỹ thuật; phải mới và có chất lượng tốt nhất cho từng loại hàng hóa; không có bất kỳ khiếm khuyết nào về thiết kế, tay nghề và vật liệu; và phải có kích thước, công suất và/hoặc được chế tạo bằng vật liệu phù hợp để đáp ứng mọi điều kiện vận hành NHÀ THẦU/CÔNG TY chỉ định./ *The VENDOR shall warrant that all GOODS shall fully conform to the specifications; be new and of the best quality for their respective types; be free from any defects in design, workmanship and material; and be of sufficient size, capacity and/or constructed of proper materials to fulfil all operating conditions specified by the CONTRACTOR/COMPANY.*

HÀNG HÓA sẽ được cung cấp Chứng chỉ bảo hành trong thời gian **30 tháng** kể từ ngày giao chuyển hàng cuối cùng hoặc **24 tháng** kể từ ngày chạy thử thành công tại công trình, tùy theo điều kiện nào đến trước./ *The VENDOR shall provide a warranty and performance guarantee for the GOODS for a period of thirty (30) months from the date of received or twenty-four (24) months from the date of successful completion of commissioning whichever comes first.*

**10. CHỨNG CHỈ/ CERTIFICATION**

STT	Giấy chứng nhận	Nhóm 1	Nhóm 2
1.	Certificates of quality, quantity issued by Manufacturer./ Giấy chứng nhận của chất lượng, số lượng do Nhà sản xuất phát hành	Bản gốc ( Original)	Bản gốc ( Original)
2.	Certificates of Origin issued by the Commerce Department of Manufacturer's country (Not by exporter's country)./ Chứng chỉ xuất xứ được phát hành bởi phòng thương mại của nước sản xuất (không phải theo nước xuất khẩu)	Bản gốc Hoặc bản sao (Original or Certified copy by Manufacturer)	Bản gốc Hoặc bản sao (Original or Certified copy by Manufacturer)
3.	Certificate of compliance with IEC 61537 issued by third party ./ Chứng chỉ chứng nhận phù hợp với IEC 61537 do bên thứ ba cấp.	Bản gốc Hoặc bản sao (Original or Certified copy by Manufacturer)	Bản gốc Hoặc bản sao (Original or Certified copy by Manufacturer)



**DỰ ÁN THIÊN NGÀ – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1**  
**LÔ 12/11, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHO MÁNG CÁP, THANG CÁP VÀ PHỤ**  
**KIỆN (BK-TNHA & RD PLATFORM)**

STT	Giấy chứng nhận	Nhóm 1	Nhóm 2
4.	Test report or Certificate issued by Manufacturer./ Chứng chỉ kiểm tra báo cáo phát hành bởi Nhà sản xuất.	Bản gốc ( Original)	Bản gốc ( Original)
5.	Material certificate issued by Manufacturer/ Chứng chỉ vật liệu	Bản gốc  Hoặc bản sao (Original or Certified copy by Manufacturer	Bản gốc  Hoặc bản sao (Original or Certified copy by Manufacturer
6.	Certificate of Warranty issued by Bidder/Vendor./ Chứng chỉ bảo hành phát hành bởi người bán hàng.	Bản gốc ( Original)	Bản gốc ( Original)

## 11. EXPERIENCE

Nhà sản xuất phải sản xuất, chế tạo, cung cấp thang máng cáp cho ít nhất 02 dự án công trình dầu khí biển tương tự trong 5 năm gần đây./ *The manufacturer must have manufactured, fabricated, and supplied cable trays and ladders for at least two (02) similar offshore oil and gas projects within the last five (05) years*

## 12. YÊU CẦU TÀI LIỆU/ DOCUMENT REQUIREMENT

### 12.1 Tài Liệu Hồ Sơ Dự Thầu/ Technical Documents With Proposal

Tài liệu hồ sơ dự thầu bằng tiếng Việt.

Tài liệu thiết kế, bản vẽ... liên quan đến hạng mục có thể là tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Với các tài liệu thể hiện bằng tiếng Việt có thể chú thích các từ chuyên ngành bằng tiếng Anh khi cần./ *Design documents, drawings, and other related materials may be in either Vietnamese or English. For documents presented in Vietnamese, technical terms may be annotated in English where necessary.*

Bên dự thầu được yêu cầu cung cấp đầy đủ các Tài liệu kỹ thuật như một phần của hồ sơ dự thầu, tối thiểu như sau/ *The Bidder is required to provide the complete Technical Documentation as part of the bid submission, including but not limited to the following:*

- ✓ Phạm vi cung cấp với đầy đủ thông tin chi tiết về Model/Part Number, nhà sản xuất, xuất xứ và số lượng (không có thông tin hoặc bất kỳ thông tin nào như “tương tự”, “hoặc tương đương” sẽ không được chấp nhận)./ *Scope of Supply with full details including Model/Part Number, Manufacturer, Country of Origin, and Quantity (Any omission of information or use of terms such as “similar” or “equivalent” will not be accepted).*



**DỰ ÁN THIÊN NGÀ – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1**  
**LÔ 12/11, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHO MÁNG CÁP, THANG CÁP VÀ PHỤ**  
**KIỆN (BK-TNHA & RD PLATFORM)**

- ✓ Catalogue/ Datasheet của Nhà sản xuất cho tất cả thiết bị làm nổi bật thông tin mô tả và model/ part number./ *Manufacturer's Catalogue/Datasheet for all equipment, clearly highlighting descriptions and Model/Part Numbers.*
- ✓ Chứng chỉ vật liệu cung cấp bởi Bên thứ ba./ *Material certificate issued by Manufacturer issued by a third party.*
- ✓ Báo cáo kiểm tra thử cung cấp bởi nhà máy/ *Test report issued by Manufacturer.*
- ✓ Chứng nhận tuân thủ theo IEC 61537 do bên thứ ba cấp/ *Certificate of compliance with IEC 61537 issued by third party (Sample)*
- ✓ Thư ủy quyền/hỗ trợ hoặc cam kết từ nhà sản xuất cáp để xác nhận cung cấp các sản phẩm đã đề xuất kèm theo hỗ trợ kỹ thuật đầy đủ. / *Letter of Authorization/Support or Commitment from the Cable Manufacturer confirming the supply of the proposed products, along with full technical support. Technical deviation/ exception list. Statement of compliance to all specified requirements. Non-listing of deviations shall be construed that the Bidder/Vendor complies with all the specified requirements.*
- ✓ Danh sách sai lệch/khác biệt kỹ thuật. Tuyên bố tuân thủ tất cả các yêu cầu đã được chỉ định. Việc không liệt kê sai lệch sẽ được hiểu là Bên dự thầu/Nhà cung cấp tuân thủ đầy đủ tất cả các yêu cầu đã nêu./ *Technical deviation/ exception list. Statement of compliance to all specified requirements. Non-listing of deviations shall be construed that the Bidder/Vendor complies with all the specified requirements.*
- ✓ Hồ sơ của Nhà sản xuất./ *Manufacturer's profiles.*
- ✓ Danh sách tham khảo các dự án tương tự của Nhà sản xuất trong vòng 5 năm gần đây./ *Manufacturer's track record: Reference Project List in the last 5 years.*
- ✓ Chứng chỉ Hệ thống Quản lý Chất lượng (của Nhà sản xuất và Nhà cung cấp)./ *Quality Management System Certificate (Manufacturers, Vendor)*
- ✓ Chính sách An toàn – Sức khỏe – Môi trường (HSE), Quy trình quản lý HSE và các Báo cáo An toàn hàng năm trong những năm gần đây (Nhà sản xuất)./ *HSE policy, HSE Management Procedure(s) and Annual Safety Reports in the recent years (Manufacturers)*

**Lưu ý:**

Tất cả các tài liệu và bản vẽ trong hồ sơ đề xuất dự thầu sẽ được cung cấp: một (01) bản gốc, ba (03) bản sao và một (01) USB chứa bản điện tử./ *All documents and drawings in tender proposal shall be provided with: one (01) original and three (03) copies and one (01) set of electronic copy on USB device.*

**12.2 Tài Liệu Hồ Sơ Hoàn Thiện/ Vendor Data after LOI/LOA:**

NHÀ CUNG CẤP hoàn toàn chịu trách nhiệm nộp Danh mục Đăng ký tài liệu Nhà cung cấp (VDRL) và tài liệu Nhà cung cấp theo yêu cầu trong mục “Tài liệu” của các tài liệu dự án để NHÀ THẦU/CÔNG TY xem xét sau khi nhận Thư Trao Thầu (LOA)./ *The VENDOR is fully responsible for submitting the Vendor Data Register List (VDRL) and*



**DỰ ÁN THIÊN NGÀ – HẢI ÂU GIAI ĐOẠN 1**  
**LÔ 12/11, NGOÀI KHƠI VIỆT NAM**  
**YÊU CẦU KỸ THUẬT CHO MÁNG CÁP, THANG CÁP VÀ PHỤ**  
**KIỆN (BK-TNHA & RD PLATFORM)**

*Vendor Data as required in the “Documentation” section of project documents for CONTRACTOR/COMPANY review after LOI/LOA.*

**VIỆC NHÀ THẦU/CÔNG TY XEM XÉT VÀ PHÊ DUYỆT CÁC TÀI LIỆU KỸ THUẬT/ CONTRACTOR/COMPANY REVIEW AND APPROVAL FOR ENGINEERING DOCUMENTS:**

**NHÀ CUNG CẤP** phải nộp các tài liệu kỹ thuật để xem xét/phê duyệt trước khi bắt đầu thi công. Danh mục và tiến độ nộp các tài liệu này được quy định trong Yêu cầu Vật tư (Material Requisition)./ *The VENDOR shall submit technical documents for review/ approval before construction commences. The list and schedule of these documents are specified in the Material Requisition.*

Thông thường, đối với bất kỳ tài liệu nào cần **NHÀ THẦU/CÔNG TY** xem xét, **NHÀ CUNG CẤP** phải chừa một khoảng thời gian tiêu chuẩn là mười (10) ngày làm việc để xem xét và nhận ý kiến. **NHÀ THẦU/CÔNG TY** sẽ nỗ lực hợp lý để rút ngắn thời gian xem xét/phê duyệt mười (10) ngày làm việc này đối với các tài liệu quan trọng nếu có yêu cầu của **NHÀ CUNG CẤP** cho từng trường hợp cụ thể. Sau khi nhận được Phiếu Nhận xét (CRS)/ý kiến từ **NHÀ THẦU/CÔNG TY**, **NHÀ CUNG CẤP** phải nộp lại các tài liệu đã chỉnh sửa trong vòng năm (05) ngày làm việc, trừ khi có đề xuất gia hạn và được cả hai Bên đồng ý./ *Generally, in relation to any documentation to be reviewed by CONTRACTOR/COMPANY, the VENDOR shall allow a standard period of ten (10) Business Days for review and comments. The CONTRACTOR/COMPANY shall make every reasonable effort to reduce this ten (10) Business Days review/approval period for critical documents if requested by the VENDOR on a case-by-case basis. After receiving CRSs/comments from the CONTRACTOR/COMPANY, the VENDOR shall re-submit the revised documents within five (05) Business Days, unless an extension is proposed and agreed upon by both Parties.*

Tất cả các Tài liệu Cuối cùng sẽ được cung cấp một (1) bản gốc và ba (3) bản sao và hai (2) bộ bản sao điện tử trên thiết bị USB./ *All Final Documents shall be provided with one (1) original and three (3) copies and two (2) set of electronic copy on USB devices.*

### **13. PHỤ LỤC (APPENDICES)**

- Phụ lục 1: Tài liệu kỹ thuật. /*Appendix 1: Technical documents*
- Phụ lục 2 : Danh mục hàng hóa./*Appendix 2: Bill of materials*
- **Lưu ý:** Tất cả các tài liệu thiết kế kỹ thuật chi tiết và bản vẽ đều thuộc phạm vi của Bên dự thầu/Nhà cung cấp. (*All detailed engineering design documents and drawings are the VENDOR’s scope*).